TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HS-ST
Ngày: 12 - 02- 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Dúng

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lương Thị Hồng Vân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Cao Trung Tín, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2025/HSST, ngày 04 tháng 12 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2025 và quyết định hoãn phiên toà số: 09/2026/HSST-QĐ ngày 27/01/2026 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 19/01/1993; nơi cư trú: ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: nhân viên của Cơ sở cai nghiện ma tuý tỉnh Trà Vinh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị V. Bị cáo không có vợ và con. Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/4/2025 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Phan Văn Bé T1** , sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

2. Anh **Phan Ngọc N**, sinh năm 1998 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: khóm D, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

3. Anh **Huỳnh Chí H**, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Dừa Đỏ, xã Càng Long, tỉnh Vĩnh Long

4. Anh **Huỳnh Văn N1**, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp số 5, xã Càng Long, tỉnh Vĩnh Long

5. Anh **Phạm Văn M**, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Giồng Chùa, xã Bình Phú, tỉnh Vĩnh Long

6. Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1970 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Nguyễn Phương Đ**, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Ô Dài, xã Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long

2. Anh **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Nơi cư trú: xã Tân An, tỉnh Vĩnh Long

3. Anh **Nguyễn Vĩnh P1**, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp 1, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long

4. Anh **Phạm Quốc T3**, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Chòm Chuối, xã Tập Sơn, tỉnh Vĩnh Long

5. Anh **Huỳnh Văn T4**, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp 12, xã Long Hữu, tỉnh Vĩnh Long

6. Anh **Trần Trung H1**, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khóm 3, xã Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long

7. Anh **Đặng Văn A**, sinh năm 2005 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/3/2025, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC04) Công an tỉnh T (trước sáp nhập) tiến hành kiểm tra chất ma túy trong cơ thể đối với học viên tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh. Kết quả phát hiện khu vực số 3 có 60 học viên dương tính với ma tuý tại các phòng 1, 3, 4, 5 thu giữ 13 điện thoại các loại và 02 bịch nylon, màu trắng nghi là chất ma tuý được niêm phong mã số PS3 23011495 và PS3 23011496.

Quá trình điều tra xác định: Cơ sở cai nghiện ma tuý tỉnh Trà Vinh trực thuộc Sở Lao động thương bình và xã hội tỉnh T theo quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân tỉnh T.

Bị cáo Phạm Văn T là nhân viên hợp đồng lao động của Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh (Hợp đồng số 11/HĐLĐ – CSCNMT ngày 27/3/2020) được phân công nhiệm vụ làm nhân viên bảo vệ thuộc Phòng Quản lý học viên. Ngày 01/3/2024, bị cáo T được phân công nhiệm vụ làm nhân viên dinh dưỡng thuộc biên chế của Phòng Hành chính – Tổ chức và trực tiếp làm việc tại bếp ăn tập thể người cai nghiện theo Quyết định số 228/QĐ-CSCNMT ngày 29/02/2024 của Cơ sở cai nghiện ma tuý tỉnh Trà Vinh. Bị cáo Phạm Văn T làm việc theo ca, mỗi ca làm việc của bị cáo bắt đầu vào lúc 17 giờ chiều của ngày thứ sáu tuần trước kéo dài đến 17 giờ chiều của ngày thứ ba tuần sau. Hết ca làm việc thì bị cáo được về nhà nghỉ. Trong ca làm việc bị cáo T có nhiệm vụ nấu cơm, chế biến thức ăn, trực tiếp phân chia khẩu phần ăn cho học viên và vận chuyển các khay thức ăn đã phân chia đưa đến chốt bảo vệ của từng khu có học viên cai nghiện để cán bộ bảo vệ đưa vào. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2024 đến tháng 3/2025, khi làm việc tại bếp ăn tập thể người cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh bị cáo Phạm Văn T có điều kiện tiếp xúc thường xuyên với các học viên cai nghiện được phép đến làm việc tại bếp ăn này gồm: Phan Ngọc N (sinh ngày 12/01/1998, nơi cư trú: Khóm D, xã C, tỉnh Vĩnh Long), Huỳnh Chí H (sinh ngày 09/10/2003, nơi cư trú: Ấp D, xã N, tỉnh Vĩnh Long), Huỳnh Văn N1 (sinh ngày 06/6/1997, nơi cư trú: ấp S, xã C, tỉnh Vĩnh Long) và học viên Phạm Văn M (sinh năm 1984, nơi cư trú: ấp G, xã B, tỉnh Vĩnh Long). Do cần tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo T đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao mang 18 (mười tám) điện thoại di động từ bên ngoài vào trong Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh bằng hình thức bán, vận chuyển thuê cho các học viên Phan Ngọc N, Huỳnh Chí H, Huỳnh Văn N1 và Phạm Văn M. Cụ thể như sau:

- Đối với học viên Phan Ngọc N: Vào khoảng tháng 10/2024, học viên N đã gợi ý bị cáo T bán cho N 01 điện thoại di động để đem vào buồng ở sử dụng liên lạc với gia đình, bị cáo T đã đồng ý và ra giá bán điện thoại là 4.500.000 đồng, yêu cầu N phải chuyển trước một phần tiền vào tài khoản của T (tài khoản số 0971344450), Phan Ngọc N đã nhờ vợ tên là Bùi Thị T5 (chủ tài khoản BUI THI THAO) chuyển 2.000.000 đồng vào tài khoản của T. Sau khi có tiền, bị cáo T lên mạng (truy cập các trang Web trên Internet) tìm mua được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (màu đen) với giá 900.000 đồng. Đến ca làm việc bị cáo T giấu điện thoại trên vào túi đựng tư trang cá nhân mang vào cơ sở cai nghiện và cất giấu vào nhà vệ sinh của kho chứa gas trong khu bếp ăn tập thể rồi chỉ chỗ cho học viên Phan Ngọc N tự đến lấy. Sau khi nhận được điện thoại trên thì Phan Ngọc N đã nhờ vợ Bùi Thị T5 tiếp tục chuyển 2.500.000 đồng cho bị cáo T để trả đủ số tiền mua điện thoại. Trong lần này bị cáo đã thu lợi được 3.600.000 đồng.

- Đối với học viên Huỳnh Chí H: Vào khoảng tháng 11/2024, học viên H gợi ý bị cáo T mang 01 điện thoại di động từ bên ngoài vào cho H thì H trả tiền công 1.500.000 đồng, bị cáo T đồng ý. Sau đó, H lên mạng tìm mua được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo (màu đen) rồi yêu cầu bên bán hàng giao cho bị cáo T. Sau khi nhận được điện thoại trên, chờ đến ca làm việc bị cáo T giấu điện thoại trên vào túi đựng tư trang cá nhân mang vào bếp ăn tập thể của người cai nghiện giấu vào nhà vệ sinh của kho chứa gas trong khu bếp ăn rồi chỉ chỗ cho H tự đến

lấy. Tiền thuê vận chuyển điện thoại H đã thanh toán bằng tiền mặt đầy đủ cho bị cáo T. Đối với điện thoại này không thu hồi được.

- Đối với học viên Huỳnh Văn N1: Vào khoảng tháng 11/2024 học viên Huỳnh Văn N1 gặp và gợi ý bị cáo T mang điện thoại di động từ bên ngoài vào cho N1 sẽ trả tiền công 1.000.000 đồng/01 điện thoại, bị cáo T đồng ý. Bị cáo T đã nhận vận chuyển thuê 07 lần gồm 14 (mười bốn) điện thoại di động từ bên ngoài vào cất giấu trong nhà vệ sinh của kho chứa gas trong khu bếp ăn tập thể của người cai nghiện rồi chỉ chỗ cho học viên Huỳnh Văn N1 tự đến lấy. Bị cáo đã thu lợi được số tiền 13.000.000 đồng từ việc vận chuyển thuê điện thoại cho học viên Huỳnh Văn N1 (Nhẹ còn nợ lại 1.000.000 đồng tiền công trong lần vận chuyển điện thoại cuối cùng). Sau khi có điện thoại Huỳnh Văn N1 đưa điện thoại cho Huỳnh Chí H bán cho các học viên, số tiền bán điện thoại thì N1 và H chia nhau tiêu xài cá nhân. Toàn bộ số tiền thu lợi từ việc vận chuyển thuê điện thoại cho học viên Huỳnh Văn N1 đều được Nhẹ thanh toán cho bị cáo Phạm Văn T bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 0971344450. Các tài khoản chuyển tiền đến cho bị cáo T gồm: NGUYEN THI CAM (chủ tài khoản là Nguyễn Thị C- bạn gái của N1), NGUYEN HUU DUAN (chủ tài khoản là Nguyễn Hữu D- người quen của Nguyễn Thị C), HUYNH CHI HAI (chủ tài khoản là Huỳnh Chí H) và một số tài khoản khác của người thân của các học viên mua điện thoại của Huỳnh Văn N1.

Tất cả các điện thoại di động mà N1 thuê bị cáo T đem vào đã được N1 và H bán cho các học viên khác, cụ thể:

+ 01 điện thoại hiệu Sam Sung (màu đỏ) bán cho học viên Nguyễn Phương Đ (ở phòng 3 - khu cai nghiện bắt buộc (khu A).

+ 01 điện thoại hiệu MI (màu đen) bán cho Nguyễn Phương Đ rồi Nguyễn Phương Đ bán lại cho Nguyễn Văn T2 (ở phòng 3 - khu A) sử dụng.

+ 01 điện thoại hiệu Oppo (màu đen) bán cho Nguyễn Phương Đ rồi Nguyễn Phương Đ bán lại cho học viên Nguyễn Vĩnh P1 (ở phòng 2- khu A) sử dụng.

+ 01 điện thoại hiệu Oppo (màu hồng) bán cho Nguyễn Phương Đ rồi Nguyễn Phương Đ bán lại cho Phạm Quốc T3 (ở phòng 2- khu A) sử dụng.

+ 01 điện thoại hiệu Sam Sung (màu đen) bán cho Nguyễn Phương Đ rồi Nguyễn Phương Đ bán lại cho Nguyễn Văn T2 (ở phòng 3 - khu A) sử dụng.

+ 01 điện thoại hiệu TECNO (màu xanh) bán cho Nguyễn Phương Đ (hùn tiền với Trần Trung H1 ở cùng phòng), sau đó Đ giao cho H1 sử dụng.

+ 02 điện thoại, trong đó 01 điện thoại hiệu VSMART, màu đen (được thu giữ vào ngày 28/3/2025 và 01 điện thoại hiệu Sam sung (màu xanh tím) bán cho học viên Lê Hữu Đ1 ở phòng 2 khu C- khu cai nghiện bắt buộc.

+ 01 điện thoại hiệu Sam Sung (màu vàng) bán cho Lê Hữu Đ1 rồi Đ1 bán lại cho Từ Văn S (ở phòng D-khu C), sau đó S cai nghiện xong được về đã cho Phạm Văn M (ở phòng 4- khu C) sử dụng.

+ 01 điện thoại không rõ nhãn hiệu, màu xanh bán cho Lê Hữu Đ1 rồi Đ1 bán lại cho học viên Nguyễn Văn K ở phòng 3-khu 3 (điện thoại này đã thu giữ vào ngày 25/3/2025).

+ 01 điện thoại hiệu Redmi (màu đen) bán cho Lê Hữu Đ1 rồi Đ1 bán lại cho Ngô Nhựt A1 (ở phòng E, khu C) và Thạch Thái B (ở phòng 5, khu C) sử dụng (thu giữ vào ngày 25/3/2025);

+ 01 điện thoại hiệu SONY (màu đen) bán cho Lê Hữu Đ1 sau đó Đ1 bán lại cho Huỳnh Tấn K1 sử dụng (thu giữ vào ngày 25/3/2025);

+ 01 điện thoại hiệu Oppo (màu đen) bán cho Nguyễn Thanh P2 (ở phòng B-khu C), sau đó P2 bán lại cho Thạch Hồng K2 ở cùng phòng sử dụng (thu giữ vào ngày 25/3/2025);

+ 01 điện thoại hiệu Oppo (màu đỏ) bán cho Nguyễn Thanh P2 (ở phòng B-khu C), sau đó P2 bán lại cho Nguyễn Đăng T6 sử dụng (thu giữ vào ngày 25/3/2025).

- Đối với Phạm Văn M: Vào khoảng tháng 01/2025, bị cáo Phạm Văn T nhận vận chuyển thuê cho học viên Phạm Văn M 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi màu đen và thu lợi được 1.000.000 đồng. Trong lần vận chuyển thuê này, bị cáo T liên lạc với Bùi Thanh T7 (vợ của Phạm Văn M) nhận điện thoại và tiền mặt 1.500.000 đồng. Sau đó bị cáo đem điện thoại di động trên giấu vào túi đựng tư trang cá nhân, đến ca làm việc mang vào khu bếp ăn tập thể của người cai nghiện rồi thuê học viên Huỳnh Chí H đưa vào cho Phạm Văn M với tiền công 500.000 đồng và H đã chuyển điện thoại cho M. Điện thoại này M sử dụng đến ngày 25/3/2025 thì bị kiểm tra thu giữ .

- Vào khoảng tháng 3/2025, bị cáo Phạm Văn T tiếp tục vận chuyển thuê cho học viên Phạm Văn M 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh và thu lợi được tiền công 1.500.000 đồng. Trong lần vận chuyển thuê này, bị cáo T liên lạc với Bùi Thanh T7 (vợ của Phạm Văn M) nhận điện thoại và tiền mặt 1.500.000 đồng. Bị cáo đem điện thoại di động trên giấu vào túi đựng tư trang cá nhân, đến ca làm việc mang vào khu bếp ăn tập thể của người cai nghiện, sau đó giấu điện thoại vào khay đựng thức ăn chuyển giao đến tay học viên Phạm Văn M rồi M giao điện thoại cho học viên Dương Văn V1 trực tiếp sử dụng, đến ngày 25/3/2025 thì bị kiểm tra thu giữ (thực chất điện thoại này là của Dương Văn V1 còn Phạm Văn M chỉ là người đứng ra thuê bị cáo T vận chuyển vào giúp cho V1). (Bút lục 458-461)

Như vậy, bị cáo T đem 18 điện thoại vào Trung tâm cai nghiện bán cho Phan Ngọc N 01 điện thoại và vận chuyển thuê cho Huỳnh Văn N1 14 điện thoại, Huỳnh Chí H 01 điện thoại, Phạm Văn M 02 điện thoại với tổng số tiền thu lợi là 20.600.000 đồng. Từ đó dẫn đến các học viên sử dụng điện thoại để thực hiện hành vi tổ chức mua bán ma tuý và đánh bạc gây thiệt hại đến lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Phạm Văn T có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động gia đình nộp lại số tiền thu lợi bất chính.

Đối với ông Phan Văn Bé T1 - Giám đốc Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh trực tiếp phụ trách Phòng Tổ chức- Hành chính là đơn vị mà bị cáo Phạm Văn T được bố trí làm việc. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông T1 đã ký ban hành đủ các văn bản để quản lý hoạt động của cán bộ nhân viên và quản lý người cai nghiện theo quy định. Từ tháng 10/2024 đến tháng 3/2025 Phạm Văn T mang điện thoại từ bên ngoài vào Cơ sở cai nghiện ma túy cho người cai nghiện ma túy sử dụng trái nội quy của Cơ sở cai nghiện nhằm mục đích vụ lợi. Tuy nhiên, vụ việc phạm tội của bị cáo Phạm Văn T chưa gây ra hậu quả thiệt hại về tài sản hay tính mạng, sức khỏe con người trong Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh. Vì vậy, không đủ cơ sở để xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Phan Văn Bé T1 về hành vi thiếu trách nhiệm.

Đối với Huỳnh Văn N1 thuê bị cáo T đem điện thoại vào cơ sở cai nghiện ma tuý và N1 đã bán lại cho các học viên khác thì N1 không có nói cho bị cáo T biết nên không đủ cơ sở xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Huỳnh Văn N1.

Đối với Huỳnh Chí H được bị cáo T thuê đem điện thoại cho Phạm Văn M, việc bị cáo T và M thoả thuận việc đem điện thoại cho M thì H không biết và bị cáo T không có thoả thuận và bàn bạc trước với H nên không đủ cơ sở xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Huỳnh chí H.

Đối với Bùi Thị T5, Nguyễn Thị C, Nguyễn Hữu D, Bùi Thanh T7 chuyển tiền mua điện thoại và tiền công vận chuyển điện thoại vào Cơ sở cai nghiện ma tuý cho bị cáo T thì T5, C, D1 và T7 không biết mục đích chuyển tiền nên không đủ cơ sở xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với T5, C, D và T7.

Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma tuý và đánh bạc, Cơ quan cảnh sát điều tra đã khởi tố vụ án và tách ra để xử lý theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, vào tháng 3/2023, bị cáo Phạm Văn T còn thực hiện hành vi vận chuyển điện thoại vào Cơ sở cai nghiện ma tuý cho các học viên. Tuy nhiên, không thu được điện thoại và các học viên không thừa nhận và chỉ căn cứ vào bản tường trình của bị cáo T, Cơ sở cai nghiện đã ra Quyết định kỹ luật với hình thức khiển trách nên không xem xét xử lý trách nhiệm đối với bị cáo T.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị V (mẹ ruột bị cáo T) nộp thay cho bị cáo số tiền thu lợi bất chính 20.600.000 đồng. (Bút lục 114-246; 350-352; 374-502)

Vật chứng, đồ vật, tài liệu tạm giữ theo biên bản sự việc ngày 25/3/2025 gồm 13 điện thoại, cụ thể:

- 01 (một) điện thoại hiệu VSMART, màu đen.

- 01 (một) điện thoại hiệu Sam sung, màu xanh tím.

- 01 (một) điện thoại hiệu Sam Sung, màu vàng.

- 01 (một) điện thoại không rõ nhãn hiệu, màu xanh.

- 01 (một) điện thoại hiệu Redmi, màu đen.

- 01 (một) điện thoại hiệu SONY, màu đen.

- 01 (một) điện thoại hiệu Oppo, màu đỏ.

- 01 (một) điện thoại hiệu Oppo, màu đỏ.

- 01 (một) điện thoại hiệu Redmi, màu đen.

- 01 (một) điện thoại hiệu Oppo, màu xanh.

- 01 (một) điện thoại hiệu Samsung, màu bạc.

- 01 (một) điện thoại hiệu Redmi, màu xanh.

- 01 (một) điện thoại hiệu VSMART, màu xanh.

Bị cáo Phạm Văn T giao nộp: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh.

Quá trình điều tra các học viên giao nộp 08 (tám) điện thoai, trong đó:

+ Nguyễn Phương Đ giao nộp 02 (một) điện thoại, trong đó 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung, màu đỏ và 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu hồng.

+ Nguyễn Văn T2 giao nộp 01 (một) điện thoại hiệu MI, màu đen.

+ Nguyễn Vĩnh P1 giao nộp 01 (một) điện thoại hiệu Oppo, màu đen.

+ Phạm Quốc T3 giao nộp 01 (một) điện thoại hiệu Oppo, màu hồng.

+ Huỳnh Văn T4 giao nộp 01 (một) điện thoại hiệu Oppo, màu đen.

+ Trần Trung H1 giao nộp 01 điện thoại hiệu TECNO, màu xanh.

+ Đặng Văn A giao nộp 01 (một) điện thoại hiệu Sam Sung, màu bạc.

Trong quá trình điều tra 05 (năm) điện thoại di động (01 điện thoại di động Oppo, màu đỏ; 02 điện thoại di động Sumsung, màu bạc; 01 điện thoại di động Redmi, màu xanh; 01 điện thoại di động Oppo, màu hồng) thu giữ trong quá trình kiểm tra tại Cơ sở cai nghiện ma tuý không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T và không phải là vật chứng của vụ án nhưng là đồ vật bị cấm sử dụng tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh đã bị phát hiện thu giữ. Cơ quan điều tra (PC03) chuyển trả lại Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC04) xử lý theo thẩm quyền. (Bút lục 322-323)

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh do học viên Dương Văn V1 sử dụng đã giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V (Phòng PC04) vì điện thoại này là vật chứng trong vụ án tổ chức, tàng trữ và sử dụng ma túy trái phép xảy ra tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh.

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (màu đen) và điện thoại di động nhãn hiệu Oppo (màu đen) bị cáo T bán cho học viên Phan Ngọc N và vận chuyển thuê cho học viên Huỳnh Chí H Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Vật chứng hiện còn tạm giữ:

- 15 (Mười lăm) điện thoại di động theo Quyết định chuyển vật chứng số 12 ngày 02/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, tỉnh Vĩnh Long.

- Tiền Việt Nam: 20.600.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: không.

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKSKV10, ngày 02/12/2025 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long đã truy tố Phạm Văn T về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo khoản 2 điều 356 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Phạm Văn T phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* như bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án và nhân thân của bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 356; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 06 năm đến 07 năm tù. Đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo chịu án hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh V, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận:

Bị cáo Phạm Văn T là nhân viên hợp đồng lao động của Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh (Hợp đồng số 11/HĐLĐ – CSCNMT NGÀY 27/3/2020) theo Quyết định phân công số 228/QĐ-CSCNMT ngày 29/02/2024, bị cáo T đã lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao, trong khoảng thời gian từ tháng 10/2024 đến tháng 3/2025, bị cáo T đem vào Cơ sở cai nghiện 18 điện thoại đi động, trong đó bán cho học viên Phan Ngọc N 01 (một) điện thoại di động và 09 (chín) lần vận chuyển thuê gồm 17 (mười bảy) điện thoại di động cho các học viên Huỳnh Văn N1, Phạm Văn M và Huỳnh Chí H, thu lợi được số tiền 20.600.000 đồng (Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng). Việc làm của bị cáo T dẫn đến các học viên sử

dụng điện thoại để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma tuý và đánh bạc trong Cơ sở cai nghiện ma tuý tỉnh Trà Vinh gây thiệt hại đến lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với tang vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn T đã phạm vào tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4] Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, bị cáo lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao và sự quản lý lỏng lẻo của Cơ sở cai nghiện ma túy để mang 18 điện thoại di động từ bên ngoài vào Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh (nay là tỉnh Vĩnh Long). Trong đó; bị cáo bán 01 điện thoại và nhận tiền công 17 điện thoại hưởng lợi được số tiền 20.600.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã gây tác động xấu đến việc bảo đảm tình hình an ninh, trật tự, an toàn trong Cơ sở cai nghiện ma túy, vi phạm nội quy của cơ quan. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để nhằm răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên; khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình nộp lại số tiền thu lợi bất chính 20.600.000 đồng. Nghĩ nên xem đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phan Văn Bé T1, anh Phan Ngọc N, anh Huỳnh Chí H, anh Huỳnh Văn N1, anh Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị V không có yêu cầu và có lời khai phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với người làm chứng: Mặc dù vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời khai phù hợp với tình tiết của vụ án.

[5] Về vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màu đỏ; 01 điện thoại nhãn hiệu MI màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu TECNO màu xanh; 01 điện thoại nhãn hiệu VSMART màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màu xanh tím; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màu vàng; 01 điện thoại không rõ nhãn hiệu màu xanh; 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu

SONY màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đỏ; 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu hồng; tiền Việt nam 20.600.000 đồng. Nghĩ nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"*.

1.1. Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 356; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Bé T1, anh Phan Ngọc N, anh Huỳnh Chí H, anh Huỳnh Văn N1, ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị V không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về vật chứng: Căn cứ: Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màu đỏ; 01 điện thoại nhãn hiệu MI màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu TECNO màu xanh; 01 điện thoại nhãn hiệu VSMART màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màu xanh tím; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màu vàng; 01 điện thoại không rõ nhãn hiệu màu xanh; 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu SONY màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đỏ; 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu hồng; tiền Việt nam 20.600.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Phạm Văn T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

- VKSND Khu vực 10 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 10-Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Trại tạm giam số 3 Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TÒA

Nguyễn Thanh Sỹ